BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc
----------o0o----------

ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Nga Khóa: 2017

Năm học: 2018-2019 Học kỳ: Kỳ 4 Môn: RUS5203 NGỮ PHÁP TIẾNG NGA 2

Ngày thi 29/05/2019

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	CC 10%	GK 30%	CK 60%	Điểm	Ghi chú
1	1607020034	Hoàng Thị Hằng	30/11/1997	10.0	6.0	7.0	**7.0**	
2	1707020002	Đỗ Tuấn Anh	01/05/1999	10.0	1.5	0.5	**1.8**	
3	1707020003	Hoàng Vân Anh	30/11/1999	10.0	4.0	5.0	**5.2**	
4	1707020004	Lưu Quỳnh Anh	09/06/1999	0.0	VT	CT		**Đi trao đổi**
5	1707020006	Ngô Phạm Hoàng Anh	29/11/1999	10.0	4.0	5.5	**5.5**	
6	1707020007	Nguyễn Lan Anh	28/09/1999	10.0	7.5	5.0	**6.3**	
7	1707020009	Nguyễn Thị Vân Anh	13/07/1998	6.4	2.0	2.0	**2.4**	
8	1707020011	Phạm Thị Kim Anh	29/08/1999	10.0	5.0	5.5	**5.8**	
9	1707020016	Vũ Thị Phương Anh	06/06/1999	0.0	VT	CT		**Đi trao đổi**
10	1707020018	Trần Văn Cương	17/04/1999	10.0	3.0	5.0	**4.9**	
11	1707020019	Hoàng Thị Minh Châu	23/06/1999	10.0	5.5	5.5	**6.0**	
12	1707020021	Trần Bảo Châu	09/11/1999	10.0	3.0	7.5	**6.4**	
13	1707020022	Lê Thị Kim Chi	07/09/1999	10.0	4.5	5.0	**5.4**	
14	1707020024	Nguyễn Tiến Dũng	24/12/1999	10.0	3.0	5.5	**5.2**	
15	1707020027	Nguyễn Thùy Dương	24/10/1999	10.0	4.5	2.5	**3.9**	
16	1707020029	Nguyễn Thị Gấm	15/09/1999	10.0	6.5	5.0	**6.0**	
17	1707020031	Bùi Thị Mỹ Hà	07/07/1999	10.0	5.0	7.0	**6.7**	
18	1707020032	Đào Thị Việt Hà	11/11/1999	10.0	7.0	7.5	**7.6**	
19	1707020033	Đặng Thị Hải Hà	08/07/1999	10.0	8.0	7.5	**7.9**	
20	1707020034	Nguyễn Hồng Hà	17/01/1998	10.0	6.0	3.5	**4.9**	
21	1707020035	Nguyễn Thị Thu Hà	21/02/1999	10.0	6.0	4.0	**5.2**	
22	1707020036	Trịnh Thu Hà	24/10/1999	10.0	3.0	4.5	**4.6**	
23	1707020040	Hoàng Thanh Hậu	16/03/1999	10.0	2.5	4.0	**4.2**	
24	1707020044	Tạ Thị Ngọc Hiệp	05/06/1998	0.0	VT	CT		**Đi trao đổi**
25	1707020045	Bùi Lê Lâm Hoa	16/10/1999	10.0	6.0	5.0	**5.8**	
26	1707020046	Hoàng Nguyễn Anh Hoài	07/07/1999	10.0	4.0	4.5	**4.9**	
27	1707020051	Đinh Thị Huyền	15/05/1999	10.0	5.0	5.5	**5.8**	
28	1707020055	Nguyễn Thị Hương	07/07/1999	10.0	7.0	5.0	**6.1**	
29	1707020058	Ngô Thị Thúy Hường	22/10/1999	0.0	VT	CT		
30	1707020059	Nguyễn Thị Thu Hường	27/12/1997	10.0	5.5	5.0	**5.7**	
31	1707020060	Nguyễn Lê Liên	27/03/1999	10.0	7.5	5.5	**6.6**	
32	1707020061	Hàn Phương Linh	15/10/1999	10.0	4.0	4.5	**4.9**	
33	1707020066	Trần Thị Thùy Linh	13/12/1999	10.0	6.0	6.5	**6.7**	
34	1707020070	Chử Thị Mai	21/03/1999	10.0	6.5	4.5	**5.7**	
35	1707020073	Nguyễn Nhật Minh	16/04/1999	0.0	VT	CT		**Đi trao đổi**
36	1707020079	Phan Thu Ngân	03/09/1996	10.0	4.0	5.0	**5.2**	
37	1707020080	Đinh Yến Ngọc	29/11/1999	0.0	VT	CT		
38	1707020084	Nguyễn Minh Nguyệt	21/09/1999	10.0	1.0	1.5	**2.2**	

39	1707020089	Chu Thị Minh Phương	30/11/1999	10.0	8.0	8.0	**8.2**	
40	1707020090	Lê Thị Hà Phương	06/08/1999	10.0	4.0	6.5	**6.1**	
41	1707020092	Trần Thanh Phương	06/07/1999	10.0	3.5	6.0	**5.7**	
42	1707020095	Ngô Thúy Quỳnh	07/01/1999	0.0	VT	CT		
43	1707020097	Trần Thị Quỳnh	04/03/1999	10.0	6.5	6.0	**6.6**	
44	1707020101	Hà Thị Thanh Tuyền	24/09/1999	10.0	2.0	4.0	**4.0**	
45	1707020103	Chu Phương Thảo	31/07/1999	10.0	2.5	5.5	**5.1**	
46	1707020108	Vũ Thị Thảo	29/08/1999	10.0	7.5	7.5	**7.8**	
47	1707020109	Nguyễn Hồng Thắm	26/08/1999	10.0	5.5	5.0	**5.7**	
48	1707020111	Nguyễn Thị Kim Thư	07/08/1999	10.0	4.0	5.5	**5.5**	
49	1707020117	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	08/04/1999	10.0	4.5	3.0	**4.2**	
50	1707020118	Phùng Thị Huyền Trang	21/05/1999	10.0	6.5	5.0	**6.0**	
51	1707020121	Tường Thúy Vân	10/09/1998	10.0	5.5	5.5	**6.0**	
52	1707020125	Nguyễn Thị Hải Yến	27/11/1998	10.0	4.0	4.5	**4.9**	

Người lập biểu **Hà Nội, ngày tháng năm 2019**

Trưởng khoa

Đỗ Thị Hồng Nhung